

Số: 2528 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 27 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3331/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 671/TTr-SNNMT ngày 25 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này là Danh mục thủ tục hành chính và quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông

ng nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Đồng Nai (*Phụ lục Danh mục TTHC và quy trình điện tử giải quyết TTHC kèm theo*), cụ thể:

Sửa đổi, bổ sung nội dung các mã thủ tục tương ứng 1.004923; 1.004921; 1.003956; 1.004498; 1.004680; 1.004656 tại Quyết định 210/QĐ-UBND ngày 19/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định 674/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành mới, thay thế lĩnh vực chăn nuôi, thú y và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2026.

Các nội dung khác tại Quyết định 210/QĐ-UBND ngày 19/01/2026 và Quyết định 674/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 của Chủ tịch UBND thành phố ban hành vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; phối hợp với đơn vị liên quan rà soát, đảm bảo thực hiện đúng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được cơ quan có thẩm quyền công bố, triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức theo quy định tại Quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường cập nhật công khai kịp thời, đầy đủ, danh mục và nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện cập nhật, cấu hình quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

4. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan đảm bảo Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố được kết nối, đồng bộ dữ liệu giải quyết thủ tục hành chính từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Cổng Dịch vụ công quốc gia để tra cứu, khai thác, theo dõi, thống kê, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp)
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Lưu: VT, KTN, HCC. (Diệp).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hoàng

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THỦY SẢN VÀ KIỂM
NGƯ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số 2528 /QĐ-UBND ngày 27 /8/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI BỔ SUNG

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	CẤP TỈNH							
1	1.004923	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên)	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)	Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: UBND thành phố Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chưa có văn bản quy định	- Điểm a, điểm c, khoản 2 Điều 10 Luật thủy sản, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 21 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 3331/QĐ-BNNMT ngày 20/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	1.004921	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên)	+ 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ đối với trường hợp đề nghị thay đổi tên tổ chức cộng đồng; người đại diện tổ chức cộng đồng; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng. + 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; phạm vi quyền được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)	Cơ quan có thẩm quyền Quyết định: UBND thành phố Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chưa có văn bản quy định	Khoản 9 Điều 10 Luật Thủy sản; Điểm a, điểm c khoản 2 Điều 10 Luật Thủy sản, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 21 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025, được sửa đổi, bổ sung tại điểm b, điểm c khoản 11 Điều 3; điểm a khoản 12 Điều 3 Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT ngày 04/8/2026 sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định 3331/QĐ-BNNMT ngày 20/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
II	Cấp xã							
1	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã		- Điểm b, khoản 2 Điều 10 Luật Thủy sản, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 21 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		địa bàn quản lý)		tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Một phần)		Chưa có văn bản quy định	một số Điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT ngày 04/8/2026 sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản	theo Quyết định 3331/QĐ-BNNMT ngày 20/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.004498	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	+ 05 ngày làm việc đối với trường hợp đề nghị thay đổi tên tổ chức cộng đồng; người đại diện tổ chức cộng đồng; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng. + 35 ngày làm việc đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; phạm vi quyền được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản	Trực tiếp Bộ phận một cửa cấp xã hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Một phần)	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã	Chưa có văn bản quy định	- Khoản 9 Điều 10 Luật Thủy sản; điểm b, khoản 2 Điều 10 Luật Thủy sản, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 21 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường - Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT ngày 04/8/2026 sửa đổi, bổ sung một số	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định 3331/QĐ-BNNMT ngày 20/8/2026 của Bộ Nông

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							Thông tư trong lĩnh vực thủy sản	ng nghiệp và Môi trường
3	1.004680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	+ 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ; + 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ trong trường hợp cần kiểm tra thực tế về tính chính xác của thông tin trong sổ theo dõi quá trình nuôi sinh trưởng, sinh sản và trồng cây nhân tạo	Trực tiếp Bộ phận một cửa cấp xã hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã	Chưa có văn bản quy định	- Khoản 3 Điều 40 Luật Thủy sản được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 được sửa đổi, bổ sung tại - Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT ngày 04/8/2026 sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định 3331/QĐ-BNNMT ngày 20/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
4	1.004656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp; loài thủy sản	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Trực tiếp Bộ phận một cửa cấp xã hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã	Chưa có văn bản quy định	Khoản 3 Điều 40 Luật Thủy sản năm 2017, được sửa đổi, bổ sung tại điểm khoản 9 Điều 14 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi	Nội dung thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định 3331/QĐ-BNNMT ngày 20/8/2026 của Bộ Nông

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên		pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình)			trường - Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025, được sửa đổi, bổ sung tại điểm d khoản 11 Điều 3 Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT ngày 04/8/2026 sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản	ng nghiệp và Môi trường

PHỤ LỤC
QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THỦY SẢN VÀ KIỂM
NGŨ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số 2528 QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
LĨNH VỰC THỦY SẢN					
I. Cấp Tỉnh					
1. Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên). Mã thủ tục: 1.004923 – Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia	0,5 ngày làm việc		Quyết định số 3331/QĐ-BNNMT ngày 20/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Bước 2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	1 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên phòng thủy sản	26 ngày làm việc		
Bước 4	Trình phê duyệt hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	UBND thành phố	6 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả	Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			35 ngày làm việc		

2. Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên). Mã thủ tục: 1.004921 – Toàn trình					
Trường hợp 1: Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia	0,25 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định	Quyết định số 3331/QĐ-BNNMT ngày 20/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên phòng thủy sản	1,75 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	UBND thành phố	02 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả	Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		
Trường hợp 2: Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản phạm vi quyền được giao: - Thông báo nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: 02 ngày làm việc; - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng.					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia	0,5 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định	

Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Thủy sản	1 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên phòng thủy sản	27 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	UBND thành phố	5 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả	Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			35 ngày làm việc		
II. Cấp xã					
1. Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý). Mã TTHC: 1.003956- Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm hành chính công xã, phường hoặc nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia	0,5 ngày làm việc		Quyết định số 3331/QĐ-BNNMT ngày 20/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn xã/ Phường	33,5 ngày làm việc		
Bước 3	Ký và chuyển kết quả	Lãnh đạo UBND xã/ Phường	1 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			35 ngày làm việc		
2. Sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) .Mã TTHC: 1.004498- một phần					
- Trường hợp 1. Đối với trường hợp đề nghị thay đổi tên tổ chức cộng đồng; người đại diện tổ chức cộng đồng; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng					

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm hành chính công xã, phường hoặc nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia	0,5 ngày làm việc		Quyết định số 3331/QĐ-BNNMT ngày 20/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn xã/ Phường	3,5 ngày làm việc			
Bước 3	Ký và chuyển kết quả	Lãnh đạo UBND xã/ Phường	1 ngày làm việc			
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc			
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc			
- Trường hợp 2. Đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; phạm vi quyền được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản					Quyết định số 3331/QĐ-BNNMT ngày 20/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm hành chính công xã, phường hoặc nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia	0,5 ngày làm việc			
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn xã/ Phường	33,5 ngày làm việc			
Bước 3	Ký và chuyển kết quả	Lãnh đạo UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc			
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc			
Tổng cộng thời gian giải quyết			35 ngày làm việc			
3. Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng. Mã TTHC: 1.004680-Toàn trình						
- Trường hợp hồ sơ hợp lệ đầy đủ						Quyết định số 3331/QĐ-BNNMT ngày 20/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm hành chính công xã, phường hoặc nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia	0,5 ngày làm việc			
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn cấp xã/ Phường	1,5 ngày làm việc			
Bước 3	Ký và chuyển kết quả	Lãnh đạo UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc			

Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		
- Trường hợp cần kiểm tra thực tế về tính chính xác của thông tin trong sổ theo dõi quá trình nuôi sinh trưởng, sinh sản và trồng cấy nhân tạo thì thời gian cấp Giấy xác nhận nguồn gốc					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm hành chính công xã, phường hoặc nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia	0,5 ngày làm việc		
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn cấp xã/ Phường	5,5 ngày làm việc		
Bước 3	Ký và chuyển kết quả	Lãnh đạo UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			07 ngày làm việc		
4. Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên. Mã thủ tục: 1.004656 - Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm hành chính công xã, phường hoặc nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia	0,5 ngày làm việc		
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn cấp xã/ Phường	3,5 ngày làm việc		
Bước 3	Ký và chuyển kết quả	Lãnh đạo UBND xã/ Phường	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã/ Phường	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		Quyết định số 3331/QĐ- BNNMT ngày 20/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường